

Bản án số: 20/2019/HS-ST
Ngày: 16-10-2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYỄN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Tuyết

Ông Nguyễn Đoàn Tụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Nguyệt Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Bích Thu - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2019/TLST-HS ngày 19/9/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nông Văn D**

Tên gọi khác: Không

Sinh ngày: 27/5/1990 tại xã P, huyện N, Cao Bằng

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm P1, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Không

Trình độ học vấn: Không

Dân tộc: Nùng; Giới tính Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam

Con ông Nông Văn P2, sinh năm 1961 và bà Mã Thị Bày, sinh năm 1959. Ông Páo, bà B cùng trú xóm P1, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Vợ: Nông Thị T1, sinh năm 1992. Trú tại: Xóm P1, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Con: Nông Triều Đình, sinh năm 2013.

Anh chị em: Bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con cả.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2019 tại nhà tạm giữ Công an huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phạm Văn T2**

Tên gọi khác: Không

Sinh ngày: 16/02/1982 tại xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm S, xã T, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Làm ruộng

Trình độ học vấn: 6/12

Dân tộc: Tày; Giới tính Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam

Con ông Hoàng Văn T3 (đã chết)

Con bà Phạm Thị M, sinh năm 1957

Trú tại: Xóm S, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Vợ: Đặng Thị T4 (Đã ly hôn năm 2018).

Con: Có hai con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2004

Anh chị em: Bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con cả.

Tiền án: Có 01 tiền án theo Bản án số 33/2012/HSST ngày 25/12/2012 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt bị cáo 07 (Bảy) năm tù về tội vận chuyển trái phép chất ma túy

Tiền sự: Không

Bị bắt tạm giam từ ngày 03/7/2019 tại nhà tạm giữ Công an huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Phạm Thị M, sinh ngày 01/4/2004

Trú tại: Xóm S, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

Người đại diện hợp pháp của Phạm Thị M: Bà Hoàng Thị L - Công tác tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

+ Trương Văn T5, sinh năm 1980

Trú tại: Xóm N1, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Có mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 08 giờ ngày 30/5/2019 Tổ Công tác Đội Cảnh sát điều tra Công an huyện Nguyên Bình, Cao Bằng đang làm nhiệm vụ trinh sát nắm tình hình các đối tượng

liên quan đến việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy tại khu vực xóm P1, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng thì phát hiện 01 người đàn ông điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 11B1-14867 theo hướng từ xóm P1 đi về xóm Phia Đén có biểu hiện nghi vấn tàng trữ trái phép chất ma túy, tổ công tác bí mật áp sát khống chế đối tượng, kiểm tra hành chính, qua kiểm tra được biết người đàn ông có tên là Phạm Văn T2, sinh năm 1982 trú tại S, T, N, Cao Bằng. Kiểm tra người T2 phát hiện: Trong túi quần đằng trước bên phải T2 đang mặc có 01 gói nhỏ được gói bằng tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 5.000,đ (*Năm nghìn đồng*). Mở tờ tiền ra bên trong có 01 (*Một*) gói nhỏ được gói bằng loại giấy nhiều màu sắc, mở gói giấy ra bên trong có chất bột màu trắng nghi là Heroine. T2 khai nhận chất bột này là Heroine T2 vừa mới mua với Nông Văn D sinh năm 1990 tại khu vực đồi thông tại xóm Phia Đén, xã T, N, Cao Bằng. Tiếp tục kiểm tra phát hiện có số tiền 75.000,đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền Việt Nam đồng gồm nhiều mệnh giá. Phát hiện trong túi quần bên trái T2 đang mặc có 01 (*Một*) điện thoại nhãn hiệu Mobell màu đen viền xanh lá cây, số IMEL 810033600504063 ngoài ra không phát hiện gì thêm. Tổ công tác đã tiến hành niêm phong số chất bột màu trắng nghi là Heroine và 01 (*Một*) phong bì thư và niêm phong lại theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào lời khai của Phạm Văn T2, cùng ngày cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Nguyên Bình đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nông Văn D sinh năm 1990, trú tại xóm Phia Đén, T, N, Cao Bằng và lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nông Văn D. Qua kiểm tra trên người và khám xét chỗ ở của Nông Văn D phát hiện 01(*Một*) lọ nhựa màu trắng, bên trong có 04 (*Bốn*) gói nhỏ nghi là ma túy được gói bằng giấy nhiều màu sắc; 01(*Một*) điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Mastell; số tiền 4.560.000,đ, (*Bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) ngoài ra không phát hiện gì thêm. Số chất bột màu trắng đựng trong lọ nhựa đã được niêm phong theo quy định để được điều tra làm rõ. Tại các biên bản mở niêm phong và cân xác định khối lượng vật chứng vụ án, lấy mẫu giám định và niêm phong lại ngày 31/5/2019 tại phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng xác định số chất bột màu trắng thu giữ của Phạm Văn T2 bắt ngày 30/5/2019 có khối lượng tịnh là 0,0279g. Số chất bột màu trắng thu giữ của Nông Văn D bắt ngày 30/5/2019 có khối lượng tịnh là 0,1148g.

Tại các Bản kết luận giám định số 163/GĐMT ngày 14/6/2019 và số 164/GĐMT ngày 17/6/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: Mẫu chất bột gửi giám định vụ Nông Văn D, Phạm Văn T2 bắt ngày 30/5/2019 tại Phia Đén, T, N, Cao Bằng đều là ma túy loại Heroine.

Căn cứ các tài liệu điều tra đã thu thập được xác định Nông Văn D là đối tượng nghiện ma túy, tối ngày 29/5/2019 D mua 06 (*Sáu*) gói nhỏ ma túy hết 500.000,đ (*Năm trăm nghìn đồng*) tại khu vực tổ 01 thị trấn Tĩnh Túc với 01 người đàn ông không quen biết về để sử dụng cho bản thân, D đã sử dụng hết 01 (*Một*) gói còn 05 (*Năm*) gói. Đến sáng ngày 30/5/2019 Phạm Văn T2 là đối tượng nghiện ma túy vừa đi chấp hành án phạt 07 (*Bảy*) năm tù về tội về tội vận chuyển trái phép chất ma túy trở về địa phương ngày 09/02/2018 chưa được xóa án tích, T2 gọi điện thoại cho D đề hỏi mua ma túy, D hẹn T2 ở khu vực đường rẽ vào nhà bán lại cho Phạm Văn T2 01 (*Một*) gói ma túy giá 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*) để kiểm lời. Khi T2 đang trên đường về, chưa kịp sử dụng thì bị Công an huyện Nguyên Bình bắt quả tang.

Trước đó vào khoảng đầu tháng 5/2019 D được bán cho T2 01(Một) gói ma túy giá 100.000,đ (Một trăm nghìn đồng). Quá trình điều tra lời khai của các bị cáo đều phù hợp với chứng cứ mà cơ quan điều tra đã phát hiện, thu thập được.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSNB ngày 14 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Nông Văn D về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Phạm Văn T2 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Về tội danh: Căn cứ Điều 251 của Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nông Văn D phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Căn cứ Điều 249 của Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Phạm Văn T2 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nông Văn D từ 07 (Bảy) năm đến 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 249, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T2 từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù.

Về vật chứng, căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị hội đồng xét xử:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi “Vật chứng thu giữ được của đối tượng Nông Văn D tại bếp nấu cơm của nhà bà Chung Thị Y xóm Phia Đén, T, N, Cao Bằng ngày 30/5/2019” mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và 04 (Bốn) hình dấu giáp lai của CQCSĐT công an tỉnh Cao Bằng.

- Đối với số tiền 4.560.000,đ (Bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) thu giữ của Nông Văn D trong đó có 4.460.000,đ (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) là tiền bị cáo bán bò mà có, đề nghị trả lại cho bị cáo. Còn 100.000,đ (Một trăm nghìn đồng) là tiền bị cáo bán ma túy cho Phạm Văn T2 đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (Một) chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Mastel có số IMEI 352121083210045 thu giữ của Nông Văn D, đây là công cụ bị cáo dùng để liên lạc để trao đổi mua bán ma túy do đó cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 75.000,đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) thu giữ trên người của Phạm Văn T2 và 5.000,đ (Năm nghìn đồng) T2 dùng gói ma túy là tiền bị cáo đi làm thuê mà có vì vậy đề nghị trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 (Một) chiếc điện thoại di động màu đen, viền xanh lá cây, nhãn hiệu Mobell, số IMEI 1 810033600504063 thu giữ của Phạm Văn T2 là điện thoại của cháu Phạm Thị M cho T2 mượn. Cháu M không biết T2 mượn để liên lạc trao đổi mua ma túy nên cần trả lại chiếc điện thoại cho chủ sở hữu là cháu Phạm Thị M.

- Đối với chiếc xe máy thu giữ khi bắt giữ Phạm Văn T2 đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Trương Văn T5 nên không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nông Văn D và Phạm Văn T2 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt. Người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phạm Thị M có ý kiến xin được trả lại cho cháu M chiếc điện thoại do cháu M không biết bố của cháu M là bị cáo Phạm Văn T2 mượn để liên lạc mua ma túy. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trương Văn T5 không có ý kiến gì do đã được nhận lại chiếc xe máy bị thu giữ.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nguyên Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn D và bị cáo Phạm Văn T2 không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị M. Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến kết quả xét xử do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội và tình tiết định khung của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo D khai nhận do nghiện ma túy nên khoảng từ tháng 5/2019 bị cáo mua ma túy về sử dụng cho bản thân và bán lại cho Phạm Văn T2 hai lần để kiếm lời. Lần gần đây nhất, vào ngày 30/5/2019 bị cáo D bán cho T2 01 (Một) gói ma túy với giá 100.000,đ (Một trăm nghìn đồng) tại khu vực đồi thông thuộc xóm Phia Đén, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Sau khi mua ma túy xong, T2 chưa kịp sử dụng thì cơ quan Công an bắt giữ. Xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 30/5/2019, Biên bản khám xét ngày 30/5/2019, Kết luận giám định số 163/GĐMT ngày 14/6/2019 và Kết luận giám định số 164/GĐMT ngày 17/6/2019 và lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình truy tố bị cáo Nông Văn D về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251, truy tố bị cáo Phạm Văn T2 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về nhân thân của các bị cáo:

Bị cáo D không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, là người nghiện ma túy. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức xã hội biết rõ Nhà nước nghiêm cấm các hành vi mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy và xử phạt rất nặng đối với hành vi này. Nhưng do bản thân không chịu tu dưỡng, rèn luyện sa vào tệ nạn nghiện hút nên mua ma túy về vừa để sử dụng cho bản thân vừa bán lại kiếm lời bất chính.

Bị cáo Phạm Văn T2 có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện ma túy, từng bị xử phạt 07 (*Bảy*) năm tù về hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Bị cáo không lấy đó làm bài học mà sau khi chấp hành bản án trở về địa phương lại tiếp tục mua ma túy về sử dụng dẫn đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất an ninh trật tự, gây xôn xao dư luận, khiến quần chúng nhân dân bất bình, lên án. Căn cứ hành vi phạm tội, các tình tiết định khung và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở T dân lương thiện có ích cho xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (*Một*) phong bì niêm phong mặt trước ghi “Vật chứng thu giữ được của đối tượng Nông Văn D tại bếp nấu cơm của nhà bà Chung Thị Y xóm Phia Đén, T, N, Cao Bằng ngày 30/5/2019” mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và 04 (*Bốn*) hình dấu giáp lai của CQCSĐT công an tỉnh Cao Bằng là vật Nhà nước cấm lưu hành.

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 (*Một*) chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Mastel có số IMEI 352121083210045 thu giữ của Nông Văn D do bị cáo dùng để liên lạc trao đổi mua bán ma túy.

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn D số tiền 4.460.000,đ (*Bốn triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*) là tiền do bị cáo bán bò mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tịch thu số tiền 100.000,đ (*Một trăm nghìn đồng*) là tiền bị cáo D bán ma túy mà có.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T2 số tiền 80.000,đ (*Tám mươi nghìn đồng*) là tiền do bị cáo đi làm thuê mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả lại cho người có quyền lợi liên quan Phạm Thị M 01 (*Một*) chiếc điện thoại di động màu đen, viền xanh lá cây, nhãn hiệu Mobell, số IMEI 1

810033600504063 do bị cáo Phạm Văn T2 mượn, cháu M không biết bị cáo T2 mượn để liên lạc mua ma túy.

- Đối với chiếc xe máy BKS 11B1-14867 cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Trương Văn T5 theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 18/7/2019. Tại phiên tòa, anh T5 không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. - Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”
Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nông Văn D 07 (Bảy) năm tù

Thời hạn tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 30/5/2019.

- Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T2 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”
Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T2 12 (Mười hai) tháng tù.

Thời hạn tính từ ngày tạm giam ngày 03/7/2019.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi “Vật chứng thu giữ được của đối tượng Nông Văn D tại bếp nấu cơm của nhà bà Chung Thị Y xóm Phia Đén, T, N, Cao Bằng ngày 30/5/2019” mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và 04 (Bốn) hình dấu giáp lai của CQCSĐT công an tỉnh Cao Bằng là vật Nhà nước cấm lưu hành.

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Mastel có số IMEI 352121083210045.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 100.000,đ (Một trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn D số tiền 4.460.000,đ (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T2 số tiền 80.000,đ (Tám mươi nghìn đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Trả lại cho người có quyền lợi liên quan Phạm Thị M 01 (Một) chiếc điện thoại di động màu đen, viền xanh lá cây, nhãn hiệu Mobell, số IMEI 810033600504063.

Số vật chứng trên đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản số 25 ngày 20/9/2019.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Văn D và bị cáo Phạm Văn T2 mỗi người phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm, có mặt bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn T5, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị M. Báo quyền kháng cáo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đoàn Tụ Hoàng Thị Tuyết

Ngôn Ngọc Viên

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 100.000,đ (*Một trăm nghìn đồng*).
- Trả lại cho bị cáo Nông Văn D số tiền 4.460.000,đ (*Bốn triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.
- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T2 số tiền 80.000,đ (*Tám mươi nghìn đồng*) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.
- Trả lại cho người có quyền lợi liên quan Phạm Thị M 01 (*Một*) chiếc điện thoại di động màu đen, viền xanh lá cây, nhãn hiệu Mobell, số IMEL1 810033600504063.

Số vật chứng trên đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản số 25 ngày 20/9/2019.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Văn D và bị cáo Phạm Văn T2 mỗi người phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm, có mặt bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn T5, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị M. Báo quyền kháng cáo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo;
- Người có QL,NVLQ;
- UBND xã T;
- Lưu HS;
- Lưu AV.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Ngôn Ngọc Viên